

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
TỈNH P**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 43/2020/HSST
Ngày 28 - 9 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TỈNH P**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ M Thân

Ông Nguyễn Thành Lâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tấn - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nhân Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Đặng Thị N, sinh ngày 14/10/1998 tại huyện TT, P;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Khu 11, xã DT, huyện TT, tỉnh P; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Đặng Văn Q, sinh năm 1974 và bà Trần Thị Th, sinh năm 1975; Chồng: Nguyễn Quốc M – Sinh năm 1990; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18/5/2020 đến ngày 21/5/2020 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Hiện bị can đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã DT, huyện TT, tỉnh P.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh H2 Văn H, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Khu 8, xã LS, huyện TN, tỉnh P;

+ Anh Trần Mạnh H1, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Khu 8, xã LS, huyện TN, tỉnh P;

+ Anh Bùi Văn Quân, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Khu 2, xã DT, huyện TT, tỉnh P;

- Người làm chứng:

+ Chị Phùng Thị H2, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Khu 17, xã HX, huyện TT, tỉnh P;

+ Anh Đặng Danh T, sinh năm 2000;

Địa chỉ: Thôn Một Túc, xã Phúc Lợi, huyện LY, tỉnh Y;

+ Chị Nguyễn Thu T1, sinh ngày 25/12/2003;
Địa chỉ: Khu 2, xã Sơn Thủy, huyện TT, tỉnh P;
Người đại diện hợp pháp cho chị T1: Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1993; Địa chỉ: Khu 5, xã Đoan Hạ, huyện TT, tỉnh P.
+ Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 2000;
Địa chỉ: Thôn Chu Quyến, xã Chu M, huyện U, thành phố Z.
+ Anh Nguyễn Quốc M, sinh năm 1990;
Địa chỉ: Khu 11, xã DT, huyện TT, tỉnh P;
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 00 giờ 40 phút ngày 18/5/2020, tại Cơ sở kinh doanh dịch vụ hát Karaoke Trường Hương (gọi tắt là quán hát Karaoke Trường Hương), thuộc địa phận khu 2, xã DT, huyện TT, tỉnh P, do ông Bùi Văn Quân, sinh năm 1977 là chủ quán. Công an huyện TT bắt quả tang bị cáo Đặng Thị N đang có H2nh vi để mặc cho H2 Văn H, sinh năm 1981 và Trần Mạnh H1, sinh năm 1994 cùng ở khu 8, xã LS, huyện TN, tỉnh P sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng hát “Vip2” của quán Karaoke Trường Hương nơi N đang là quản lý. Quá trình bắt quả tang, Cơ quan công an thu giữ tại mặt bàn kê trong phòng hát 01 đĩa sứ màu trắng, hình tròn, trên bề mặt bám dính chất bột dạng tinh thể màu trắng; 01 thẻ ATM của ngân H2ng Viettinbank số 970415154237517b mang tên Nguyễn Văn Tuấn, trên bề mặt thẻ bám dính chất bột dạng tinh thể màu trắng; 01 tờ tiền polime mệnh giá 20.000đ được quấn thành dạng ống hút, hai đầu được cố định bằng vỏ đầu lọc bao thuốc lá, bề mặt có bám dính chất bột dạng tinh thể màu trắng; 01 bật lửa ga màu đỏ; thu giữ tại nền phòng hát 01 túi nilon màu trắng; kiểm tra thu giữ của H2 Văn H số tiền 2.680.000đồng. Công an huyện TT đã mời người chứng kiến tiến H2nh lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong 01 đĩa sứ màu trắng, hình tròn, trên bề mặt bám dính chất bột dạng tinh thể màu trắng; 01 thẻ ATM của ngân H2ng Viettinbank số 970415154237517b mang tên Nguyen Van Tuan, trên bề mặt thẻ bám dính chất bột dạng tinh thể màu trắng; 01 tờ tiền polime mệnh giá 20.000đồng được quấn thành dạng ống hút, hai đầu được cố định bằng vỏ đầu lọc bao thuốc lá, bề mặt có bám dính chất bột dạng tinh thể màu trắng và đưa N và người liên quan cùng các tài liệu chứng cứ khác về trụ sở Công an huyện TT để làm việc.

Tại Trụ sở Công an huyện TT, Cơ quan điều tra đã tiến H2nh xét nghiệm chất ma túy trong nước tiểu của H2 Văn H và Trần Mạnh H1 bằng que thử chất ma túy. Kết quả thể hiện H và H1 đều dương tính với ma túy Ketamine.

Ngày 18/5/2020, Cơ quan điều tra Công an huyện TT ra Quyết định trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh P giám định mẫu chất bột dạng tinh thể màu trắng bám dính trên đĩa sứ, thẻ ATM và tờ tiền polime mệnh giá 20.000đ là ma túy hay không? Nếu là ma túy thì là chất gì? Tại bản Kết luận giám định số 527/KLGD ngày 20/5/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh P kết luận:

“- *Chất bột dạng tinh thể màu trắng bám dính trên bề mặt 01 đĩa sứ màu trắng gửi đến giám định là ma túy, loại: **Ketamine**.*

- *Chất bột dạng tinh thể màu trắng bám dính trên bề mặt 01 thẻ ATM của ngân hàng Viettinbank số 970415154237517b mang tên Nguyễn Văn Tuấn gửi đến giám định là ma túy, loại: **Ketamine**.*

- *Chất bột dạng tinh thể màu trắng bám dính trên bề mặt tờ tiền polime mệnh giá 20.000 đồng được cố định hai đầu bằng vỏ đầu lọc thuốc lá gửi đến giám định là ma túy, loại: **Ketamine**.*

*** Ketamine:** số thứ tự 35, Danh mục III, Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ”

Căn cứ H2nh vi phạm tội của Đặng Thị N, ngày 21/5/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TT đã Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị cáo đối với Đặng Thị N về tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 256 Bộ luật hình sự năm 2015.

Qua quá trình điều tra, nội dung vụ án được làm rõ như sau: H2 Văn H và Trần Mạnh H1 là các đối tượng nghiện ma túy. Tới ngày 17/5/2020, H và H1 rủ nhau góp mỗi người 1.000.000đồng để đi mua ma túy ketamine về sử dụng. Sau đó H và H1 cùng nhau đi đến khu vực đầu cầu Đồng Quang thuộc địa phận huyện U, thành phố H2 Nội gặp và mua được 01 gói ma túy ketamine với giá 2.000.000đồng của một người nam giới lạ mặt. Sau đó H và H1 bắt xe ôm đi đến quán karaoke Trường Hương. Tại đây H và H1 gặp bị cáo N là quản lý quán hát và chồng là anh Nguyễn Quốc M – Sinh năm 1990, ở khu 11, xã DT, huyện TT đang ở quầy lễ tân. Thấy N, H hỏi N cho thuê 01 phòng hát và 02 nhân viên phục vụ thì N đồng ý và bảo anh M dẫn H và H1 vào phòng hát “Vip2” ở tầng 3. Sau đó N gọi điện thoại cho Phùng Thị H2 – Sinh năm 1993, ở khu 17, xã HX, huyện TT và Đặng Danh T – Sinh năm 2000, ở xã Phúc Lợi, huyện LY, tỉnh Y là hai người quản lý nhân viên quán hát bảo H2 và T đưa 2 nhân viên nữ đến quán hát Trường Hương phục vụ khách thì H2 và T đều đồng ý. Sau đó H2 và T bảo Nguyễn Thị L – Sinh năm 2000, ở xã Chu M, huyện U, thành phố H2 Nội và Nguyễn Thu T1 – Sinh năm 2003, ở xã Sơn Thủy, huyện TT, tỉnh P đến quán hát Trường Hương phục vụ khách theo yêu cầu của N. Đến khoảng 00 giờ 18/5/2020, L và T1 lần lượt vào phòng hát “Vip2” phục vụ hát và rót bia. Khoảng 10 phút sau khi L và T1 vào phòng hát, H1 và H nảy sinh ý định sử dụng ma túy ketamine vừa mua được nên H1 đã đi xuống quầy lễ tân gặp và bảo N cho mượn 01 đĩa sứ để “sào ke”, N nghe và hiểu ý H1 là mượn đĩa sứ để làm công cụ sử dụng trái phép chất ma túy nhưng lo sợ nếu không cho H1 mượn thì H1 sẽ đi về, không hát nữa nên N đã đồng ý và lấy 01 đĩa sứ màu trắng, hình tròn đưa cho H1. H1 cầm đĩa sứ đi quay vào phòng hát “Vip2”, khi H1 vào phòng hát, thấy H1 chỉ cầm 01 đĩa sứ, không có vật dụng để nghiền ma túy trong quá trình “sào ke” nên H tiếp tục đi xuống quầy lễ tân. Khi xuống đến quầy lễ tân, H gặp N và tiếp tục hỏi N cho mượn 01 thẻ ATM để “sào ke”, N nghe và hiểu ý H mượn thẻ ATM để làm công cụ sử dụng chất ma túy nhưng cùng với lý do sợ khách bỏ về không hát nên N đã đồng ý và lấy 01 thẻ ATM cũ ở quầy lễ tân ghi tên Nguyễn Văn Tuấn đã hết hạn sử dụng đưa cho H. H mang thẻ ATM vừa mượn được từ N vào phòng hát “Vip2”, thấy H vào, H1 đưa gói ma túy ketamine H1 và H mua được lúc tới cho H, H cầm gói ma túy H1 đưa đổ ra đĩa sứ, dùng bật lửa ga màu đỏ hơi nóng phía dưới

đáy đĩa sứ, dùng thẻ ATM nghiền nhỏ ma túy trên bề mặt đĩa rồi chia ma túy ketamine thành phần dạng đường thẳng. Về phần H, trong lúc H “sào ke” H1 lấy 01 tờ tiền polime mệnh giá 20.000đ ra quận thành danh ông hút rồi lấy vỏ đầu lọc điều thuốc là cố định hai đầu dùng để hút ma túy. Sau khi H chế biến ma túy xong, H và H1 thay nhau dùng ống hút H1 làm hút ma túy ketamine vào cơ thể. Khi đó L và T1 có mặt tại phòng hát nhưng không sử dụng ma túy mà cùng nhau hát và nhảy với H và H1. Đến 00 giờ 40 phút ngày 18/5/2020, thì bị lực lượng Công an huyện TT kiểm tra, phát hiện và đưa về trụ sở Công an huyện để làm việc như đã nêu trên.

Đối với ông Bùi Văn Quân, quá trình điều tra xác định ông Quân là chủ cơ sở kinh doanh dịch vụ Karaoke Trường Hương. Khoảng đầu năm 2019, ông Quân đã thuê và giao quyền quản lý quán hát cho Đặng Thị N. Quá trình H và H1 sử dụng chất ma túy tại quán Karaoke Trường Hương, ông Quân không biết, N cũng không thông báo với ông Quân. Tuy nhiên với vai trò là chủ cơ sở kinh doanh, ông Quân có biết việc N mở cửa quán hát Karaoke Trường Hương vào đêm ngày 17, rạng sáng ngày 18/5/2020. Như vậy ông Quân đã không thực hiện quyết định áp dụng biện pháp hạn chế tập chung đông người tại nơi công cộng theo quy định tại Điểm c, Khoản 4, Điều 11, Nghị định 176/2013 của Chính phủ ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm H2nh chính trong lĩnh vực y tế. Ngày 25/5/2020, Chủ tịch UBND huyện TT đã ra Quyết định xử phạt vi phạm H2nh chính đối với Bùi Văn Quân bằng hình thức “*Phạt tiền*”.

Đối với Nguyễn Quốc M, quá trình điều tra xác định đêm ngày 17/5/2020, khi H và H1 đến quán hát Karaoke Trường Hương gặp N hỏi thuê phòng hát thì anh M có tại quầy lễ tân và giúp N đưa H và H1 vào phòng hát “Vip2” ở tầng 3. Tuy nhiên anh M không biết việc H và H1 sử dụng ma túy trong phòng hát “Vip2”. Do vậy H2nh vi của anh M không đủ căn cứ cấu thành tội phạm. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT không đề cập xử lý đối với anh M trong vụ án này.

Đối với H2 Văn H và Trần Mạnh H1, quá trình điều tra xác định, H và H1 đều là người sử dụng chất ma túy. Ngày 20/8/2020, H và H1 cùng góp tiền để mua ma túy về sử dụng cho bản thân. Số ma túy mua được, H và H1 đã chia nhau sử dụng hết. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 21 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm H2nh chính trong lĩnh vực An ninh, trật tự an toàn xã hội; phòng chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng chống bạo lực gia đình, Công an huyện TT đã ra Quyết định xử phạt vi phạm H2nh chính đối với H và H1 về H2nh vi “sử dụng trái phép chất ma túy” bằng hình thức “*Phạt tiền*”.

Đối với Nguyễn Thị L và Nguyễn Thu T1, quá trình điều tra xác định, L và T1 là hai nhân viên được gọi đến để phục vụ rót bia và hát cùng H và H1. L và T1 không sử dụng chất ma túy do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT không đề cập xử lý trong vụ án này.

Đối với Phùng Thị H2 và Đặng Danh T là người bảo L và T1 đến quán hát Karaoke Trường Hương phục vụ khách theo yêu cầu của N, quá trình điều tra thể hiện khi N gọi điện cho chị H2 và anh T yêu cầu đưa nhân viên đến phục vụ khách N không nói rõ công việc cụ thể, chị H2 và anh T cũng không biết việc L và T1 đến quán hát Karaoke Trường Hương để phục vụ ai, không biết việc H và H1 có sử dụng ma túy tại phòng “Vip2” quán hát Karaoke Trường

Hương. Do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT không đề cập xử lý chỉ H2 và anh T trong vụ án này.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT đã trả lại cho H2 Văn H số tiền 2.680.000đồng. Các vật chứng còn lại gồm: 01 bì niêm phong số 527/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh P là mẫu vật còn lại sau giám định; 01 bật lửa ga màu đỏ tạm giữ tại bàn kê trong phòng hát “Vip2” quán hát Karaoke Trường Hương; 01 túi nilon màu trắng tạm giữ tại nền phòng hát “Vip2” quán hát Karaoke Trường Hương.

Bản cáo trạng số 47/CT-VKS ngày 08/9/2020 của VKSND huyện TT tỉnh P truy tố bị cáo Đặng Thị N về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại Khoản 1 Điều 256 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện TT vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Khoản 1 Điều 256, Điểm n, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Đặng Thị N phạm tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”. Xử phạt bị cáo Đặng Thị N từ 24 tháng đến 30 tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các quy định của pháp luật để xử lý vật chứng và các vấn đề khác của vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa. Kiểm sát viên, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử không hoãn phiên tòa mà tiến hành xét xử vụ án. Xét thấy người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng hình sự để tiếp tục xét xử vụ án là phù hợp.

2. Về Nội dung:

[1]. Tại phiên tòa cũng như tại cơ quan điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ H2nh vi phạm tội của mình như nội dung Bản cáo trạng của viện kiểm sát, thừa nhận nội dung cáo trạng truy tố bị cáo là đúng, không oan sai; Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với vật chứng thu giữ, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định: Đêm ngày 17 và sáng ngày 18 tháng 5 năm 2020, tại Cơ sở kinh doanh dịch vụ hát Karaoke Trường Hương thuộc địa phận khu 2, xã DT, huyện TT, bị cáo N đã có H2nh vi để mặc cho H2 Văn H và Trần Mạnh H1 sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng hát “Vip2”, tầng 3 của quán hát Karaoke Trường Hương nơi bị cáo đang là quản lý. H2nh vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 256 của Bộ luật hình sự, có khung hình phạt từ 01 năm đến 05 năm tù.

[2] Xét tính chất vụ án, nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo trong vụ án cho thấy:

Tính chất vụ án là N trọng, H2nh vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã tiếp tay cho việc sử dụng trái phép chất ma túy, là chất gây ảnh hưởng N trọng đến đời sống và sức khỏe con người, xâm phạm đến trật tự trị an xã hội, là khách thể được luật hình sự bảo vệ, mọi H2nh vi xâm phạm đến đều bị xử lý N M theo pháp luật. Chỉ vì sợ H2 Văn H và Trần Mạnh H1 không hát ở quán Karaoke Trường Hương nữa mà bị cáo đã coi thường pháp luật, để mặc cho H và H1 sử dụng trái phép chất ma túy tại quán hát nơi mình được giao quản lý.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về H2nh vi của mình; Thời điểm phạm tội, bị cáo đang có thai 16 tuần. Trước khi phạm tội và ngoài lần thực hiện H2nh vi phạm tội này, bị cáo luôn chấp H2nh tốt chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, được địa phương nơi bị cáo cư trú có ý kiến xin giảm án cho bị cáo. Do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm n, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự, nếu không cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội thì cũng không gây nguy hiểm cho xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy xử phạt bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo, cũng đủ điều kiện để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 256 của Bộ luật hình sự, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên theo xác M của cơ quan điều tra cho thấy, bị cáo hiện sống phụ thuộc vào gia đình, ngoài đồ dùng sinh hoạt cá nhân, bị cáo không có tài sản gì khác có giá trị. Do đó Hội đồng xét xử xét miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

[4] Đối với ông Bùi Văn Quân là chủ cơ sở kinh doanh dịch vụ Karaoke Trường Hương đã thuê và giao quyền quản lý quán hát cho bị cáo. Khi H và H1 sử dụng chất ma túy tại quán Karaoke Trường Hương, ông Quân không biết. Tuy nhiên với vai trò là chủ cơ sở kinh doanh, ông Quân có biết việc bị cáo mở cửa quán hát Karaoke Trường Hương vào đêm ngày 17, rạng sáng ngày 18/5/2020. Như vậy ông Quân đã không thực hiện quyết định áp dụng biện pháp hạn chế tập chung đông người tại nơi công cộng theo quy định tại Điểm c, Khoản 4, Điều 11, Nghị định 176/2013 của Chính phủ ngày 14/11/2013 của Chính phủ nên Chủ tịch UBND huyện TT đã ra Quyết định xử phạt vi phạm H2nh chính đối với ông Quân là phù hợp.

Đối với anh Nguyễn Quốc M đã giúp bị cáo đưa H và H1 vào phòng hát “Vip2” ở tầng 3 của quán Trường Hương để hát. Tuy nhiên anh M không biết việc H và H1 sử dụng ma túy trong phòng hát “Vip2”. Do vậy H2nh vi của anh M không đủ căn cứ cấu thành tội phạm. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT không đề cập xử lý đối với anh M trong vụ án này là phù hợp.

Đối với H2 Văn H và Trần Mạnh H1 là người cùng nhau góp tiền để mua ma túy về sử dụng cho bản thân. Số ma túy mua được, H và H1 đã chia nhau sử dụng hết. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 21 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013

của Chính phủ, Công an huyện TT đã ra Quyết định xử phạt vi phạm H2nh chính đối với H và H1 về H2nh vi “sử dụng trái phép chất ma túy” là phù hợp.

Đối với Nguyễn Thị L và Nguyễn Thu T1 là hai nhân viên được gọi đến để phục vụ rót bia và hát cùng H và H1. L và T1 không sử dụng chất ma túy do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT không đề cập xử lý trong vụ án này là phù hợp.

Đối với Phùng Thị H2 và Đặng Danh T là người bảo L và T1 đến quán hát Karaoke Trường Hương phục vụ khách theo yêu cầu của bị cáo, chị H2 và anh T không biết việc L và T1 đến quán hát Karaoke Trường Hương để phục vụ ai, không biết việc H và H1 có sử dụng ma túy tại phòng “Vip2” quán hát Karaoke Trường Hương. Do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT không đề cập xử lý chị H2 và anh T trong vụ án này là phù hợp.

Về nguồn gốc số ma túy H và H1 sử dụng tại phòng “Vip2” quán hát Karaoke Trường Hương, quá trình điều tra H và H1 đều khai nhận do H và H1 mua của một người nam giới H và H1 không biết tên tuổi địa chỉ tại khu vực đầu cầu Đồng Quang thuộc địa phận huyện U, thành phố H2 Nội vào tối ngày 17/5/2020. Ngoài những thông tin trên, không có thông tin nào khác do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT không đủ căn cứ xác M làm rõ nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết là phù hợp.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TT đã trả lại cho H2 Văn H số tiền 2.680.000đồng do không liên quan đến tội phạm nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết là phù hợp.

[3] Về vật chứng:

- Đối với: 01 đĩa sứ màu trắng, 01 thẻ ATM của ngân H2ng Viettinbank mang tên Nguyễn Văn Tuấn, thu tại nhà H2ng Trường Hương là vật chứng của vụ án không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 tờ tiền polime mệnh giá 20.000đồng được cố định hai đầu bằng vỏ lọc điều thuốc lá của Trần Mạnh H1 dùng để sử dụng ma túy, cần tịch thu sung ngân sách nhà nước. Toàn bộ vật chứng trên được niêm phong dán kín trong 01 bì giấy số 527/KLGD, bên ngoài được đóng 05 hình dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh P là mẫu vật còn lại sau giám định;

- Đối với: 01 bật lửa ga màu đỏ của H2 Văn H; 01 túi nilon màu trắng tạm giữ tại nền phòng hát “Vip2” quán hát Karaoke Trường Hương. không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

[4] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định Tổ tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh P tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 256, Điểm n, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, Khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Đặng Thị N phạm tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt: Bị cáo Đặng Thị N 25 (Hai mươi lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 50 (Năm mươi) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đặng Thị N cho Ủy ban nhân dân xã DT, huyện TT, tỉnh P giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi H2nh án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp H2nh hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- *Về hình phạt bổ sung:* Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- *Về xử lý vật chứng:* Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy: Mở bì niêm phong số 527/KLGD bên trong có: 01 đĩa sứ màu trắng, 01 thẻ ATM của ngân H2ng Viettinbank mang tên Nguyễn Văn Tuấn; Tịch thu, sung ngân sách nhà nước: 01 tờ tiền polime mệnh giá 20.000đ (Hai mươi nghìn đồng) được cố định hai đầu bằng vỏ lọc điều thuốc lá của Trần Mạnh H1. Toàn bộ vật chứng trên được niêm phong dán kín trong 01 bì giấy số 527/KLGD, bên ngoài được đóng 05 hình dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh P là mẫu vật còn lại sau giám định;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bật lửa ga màu đỏ của H2 Văn H và 01 túi nilon màu trắng.

(*Vật chứng trên hiện Chi cục Thi H2nh án dân sự huyện TT, tỉnh P đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/9/2020*).

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đặng Thị N phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo Bản án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được kháng cáo phần quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND h.TT,
- VKSND tỉnh P;
- CA huyện TT;
- CQ T.H.A.HS;
- UBND xã DT (TB);
- Chi cục THADS huyện;
- Sở Tư pháp tỉnh P;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng